

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 17/6/2025  
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lầu A Tính
- Ông Sầm Văn Nường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vi Tố Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2025/TLST- HNGĐ ngày 13/5/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Tống Văn Ch, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Y, Cục C10, đóng tại xã H, huyện Ph, tỉnh Sơn La). Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

*Về hôn nhân:* Ngày 01/3/2012 chị H, anh Ch có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2014 anh Ch bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, anh Ch đi chấp hành án, năm 2018 chấp hành án xong và trở về địa phương sinh sống. Sau khi chấp hành án xong, về sống với vợ con và gia đình, cuộc sống vợ chồng bắt đầu có những mâu thuẫn, bất đồng trong việc nuôi dạy con chung, phát triển kinh tế gia đình. Năm 2022 anh Ch bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và bị xử phạt 05 năm 09 tháng tù theo bản án hình

sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 14/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Y, Cục C10. Hiện tại chị H thấy không còn tình cảm với anh Ch nữa, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

*Về con riêng, con nuôi:* Chị H và anh Ch không có con riêng, không có con nuôi.

*Về con chung:* Có 02 con chung là Tổng Trần Tiến Đ, sinh ngày 01/07/2012 và Tổng Trần Bảo Kh, sinh ngày 22/5/2019. Chị H yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung do anh Chỉnh đang chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện để nuôi con chung.

*Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tổng Văn Ch:

Bản tự khai ngày 16/5/2025, bị đơn anh Ch trình bày về quan hệ hôn nhân thống nhất với nguyên đơn chị H về thời điểm đăng ký kết hôn. Bị đơn khai bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 05 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 14/2/2023, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Yên Hạ, Cục C10. Bị đơn anh Ch bày tỏ quan điểm không đồng ý ly hôn; Không có con riêng, con nuôi; Về con chung: Có 02 con chung là Tổng Trần Tiến Đ, sinh ngày 01/07/2012 và Tổng Trần Bảo Kh sinh ngày 22/5/2019, nếu chị H nhất quyết xin ly hôn thì anh Ch đồng ý để chị H nuôi hai con chung và anh Ch không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án; được Toà án triệu tập họp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt có lý do (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Y, Cục C10), do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn theo quy định.

Ngày 30/5/2025 Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử cho các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị H. Về con chung: Căn cứ Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H; Về án phí, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí, đề nghị nguyên đơn chị Hương phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

### **[1] Về tố tụng:**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại bản Nậm Pồ 2, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về nội dung vụ án:**

Xét quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Ch kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa chị H và anh Ch là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Ch. Hội đồng xét xử thấy, năm 2014 bị đơn anh Ch phải đi chấp hành án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, năm 2018 chấp hành án xong, trở về sống với vợ con thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng chung tiếng nói trong việc nuôi dạy con và phát triển kinh tế gia đình. Năm 2023 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên xử phạt 05 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 14/2/2023, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Y, Cục C10. Xét thấy, chị H không duy trì được tình cảm do vợ chồng xa cách, không có nguyện vọng chờ đợi anh Ch chấp hành án, mục đích của cuộc sống hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Chị H và anh Ch có 02 con chung là Tổng Trần Tiến Đ, sinh ngày 01/07/2012 và Tổng Trần Bảo Kh sinh ngày 22/5/2019, chị H yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy các con chung từ nhỏ đã ở với mẹ, đến khi anh Ch đi chấp hành án thì các cháu vẫn ở với mẹ, các cháu đã quen với việc được chăm

sóc từ mẹ và trong đơn ghi nguyện vọng cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống cũng như việc học tập của cháu Đ và cháu Kh không bị xáo trộn, cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Đ và cháu Kh cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Anh Ch có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về con riêng, con nuôi: Các đương sự không có con riêng, không có con nuôi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ riêng, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí, đề nghị nguyên đơn chị Hương phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên:***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Tống Văn Ch.

2. Về con chung: Giao các cháu Tống Trần Tiến Đ, sinh ngày 01/07/2012 và Tống Trần Bảo Kh, sinh ngày 22/5/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ch có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Ch, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ riêng, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0001608 ngày 13/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/6/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án (TAND tỉnh Điện Biên);
- Viện kiểm sát huyện Mường Nhé;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- UBND xã P; huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Nhung**